

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 72/2017/HSST
Ngày: 26/10/2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

**** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Quốc Thái Bình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Mỹ Hằng
2. Ông Nguyễn Hữu Thành

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Song Yến - Cán bộ Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 80/2017/HSST ngày 06 tháng 10 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. TRẦN VĂN T - Sinh năm: 1985, tại Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 6, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Trình độ văn hóa: 10/12 - Nghề nghiệp: Lao động biển.

Tiền án - Tiền sự: Không.

Con ông: Trần Quốc T, sinh năm 1954 và bà: Thái Thị L, sinh năm 1958.

Vợ: Ngô Thị T, sinh năm 1989.

Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2011.

Bị cáo bị bắt ngày **14/7/2017**. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L (Có mặt tại phiên tòa).

2. NGUYỄN THANH V - Sinh năm: 1983, tại Bình Định.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Tân P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Trình độ văn hóa: 03/12 - Nghề nghiệp: Lao động biển.

Tiền án - Tiền sự: Không.

Con ông: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1961 và bà: Lê Thị T, sinh năm 1968.

Vợ, con: Không có.

Bị cáo bị bắt ngày **14/7/2017**. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L (Có mặt tại phiên tòa).

3. PHẠM THÀNH A - Sinh năm: 1993, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Trình độ văn hóa: 8/12 - Nghề nghiệp: Lao động biển.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Con ông: Phạm Thành T, sinh năm 1967 và bà Trần Thị B, sinh năm 1974.

Vợ: Trần Thị Hồng T, sinh năm 1998.

Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2017.

Bị cáo bị bắt ngày **03/8/2017**. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L (Có mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và Phạm Thành A đều bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 16 giờ 10 phút ngày 14/7/2017, Công an phường Phước Lộc bắt quả tang đối tượng Trần Văn T, sinh năm 1985, ở tại khu phố 6, phường B, thị xã L và Nguyễn Thanh V, sinh năm 1983, trú thôn H, xã T, thị xã L đang tàng trữ trái phép chất ma túy; Thu giữ trong túi áo của Trần Văn T đang mặc 01 bọc nilon màu trắng, ngoài quần băng keo màu vàng, bên trong có 02 cục chất bột màu trắng, dạng rắn. T và V khai với C an đó là 02 cục ma túy (Heroin) vừa mua của một ông già (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) ở khu Tân Long thuộc khu phố 11, phường B với giá 1.200.000 đồng giùm cho Phạm Thành A. Sau đó, Công an đưa các đối tượng cùng tang vật về trụ sở lập biên bản và chuyển lên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định số 478/GĐ-PC54 ngày 17/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận, kết luận: "Mẫu M gửi giám định có khối lượng **0,5978 gam**; là **Heroin**".

Quá trình điều tra xác định: Phạm Thành A và Trần Văn T là bạn bè, khoảng 15 giờ 30 phút ngày 14/7/2017, A gặp T hỏi: "Có biết chỗ nào lấy đồ không, lấy về sử dụng" (đồ tức là ma túy), T trả lời: "Đưa tiền đây tao đi lấy về chơi", sau đó A điều khiển xe chở T đi, khi đang đi thì A gặp bạn tên M (không rõ nhân thân, lai lịch), A rủ M cùng đi mua ma túy, M nói để kêu bạn tên V đi qua khu vực "Xóm Sinh" mua cho, vì V biết chỗ, rồi M đi tìm V còn A chở T đến phía sau tiệm điện thoại "Thảo Khánh" thuộc khu phố 1, phường P, thị xã L. Khoảng 5 phút sau, M chở V đến, lúc này A đưa cho T 1.200.000 đồng, T cần tiền rồi cùng V đi đò sang khu Tân Long để mua ma túy, khi đến nơi T đưa cho V 1.200.000 đồng, V cầm tiền đi mua nhưng không được nên quay ra đưa tiền lại cho T để đi về, trên đường về V nói T đưa lại tiền để V đi mua chỗ khác, T đưa cho V 1.200.000 đồng, V cần tiền rồi đi vào nhà một người đàn ông lớn tuổi gọi là ông già, (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) hỏi mua 1.200.000 đồng tiền ma túy, người đàn ông này cầm tiền của V, rồi đưa cho một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch). Người thanh niên cầm tiền đi, khoảng 20 phút thì quay lại đưa cho V một bọc có 02 cục chất bột màu trắng, dạng rắn, V cầm bọc ma túy đi ra gặp T, rồi cả hai đi đò về lại tiệm điện thoại "Thảo Khánh". Trên đường về, V đưa cho T số ma túy vừa mua được để T cất giấu, khi T và V về đến nơi thì bị lực lượng công an phường P phát hiện bắt giữ. Thấy T và V bị bắt, A chạy về nhà ở xã T, còn M đi đâu không rõ. Sau khi bị bắt, T và V khai nhận đã mua ma túy cho A để sử dụng chung, đến ngày 03/8/2017, Phạm Thành A bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L bắt giữ.

Vật chứng vụ án, gồm: 01 (một) miếng băng keo vàng, 01 (một) gói nylon đã cắt lấy mẫu và 0,3262 gam mẫu M còn lại sau khi giám định được niêm phong trong phong bì số 478 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận; 01 (một) điện thoại di động hiệu Lenovo, màu trắng đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/10/2017.

Tại bản cáo trạng số 77/QĐ-VKS ngày 06/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và Phạm Thành A, đều về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố, sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử; Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và Phạm Thành A, đều về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Trần Văn T, mức án tù: 24 tháng đến 30 tháng tù.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Nguyễn Thanh V, mức án tù: 24 tháng đến 30 tháng tù.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Phạm Thành A, mức án tù: 30 tháng đến 36 tháng tù.

* Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, Điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên: + Tịch thu tiêu hủy 0,3262 gam mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 478 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 điện thoại di động hiệu Lenovo, màu trắng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại tòa, các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và Phạm Thành A đều thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đã truy tố. Xét, lời khai của các bị cáo tại Tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ cơ sở pháp lý kết luận: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 14/7/2017, Phạm Thành A gặp Trần Văn T hỏi: “Có biết chỗ nào lấy đồ không, lấy về sử dụng” (đồ tức là ma túy), T trả lời:

“Đưa tiền đây tao đi lấy về chơi”, sau đó A điều khiển xe chở T đi, trên đường đi A gặp bạn tên M (không rõ nhân thân, lai lịch), A rủ M cùng đi mua ma túy, M nói để kêu bạn tên V đi qua khu vực “Xóm Sinh” mua cho, vì V biết chỗ, rồi M đi tìm V còn A chở T đến phía sau tiệm điện thoại “Thảo Khánh” thuộc khu phố 1, phường P, thị xã L. Khoảng 5 phút sau, M chở V đến, lúc này A đưa cho T 1.200.000 đồng, T cầm tiền rồi cùng V đi đồ sang khu Tân Long để mua ma túy, khi đến nơi T đưa cho V 1.200.000 đồng, V cầm tiền đi mua nhưng không được nên quay ra đưa tiền lại cho T để đi về, trên đường về V nói T đưa lại tiền để V đi mua chỗ khác, T đưa cho V 1.200.000 đồng, V cầm tiền rồi đi vào nhà một người đàn ông lớn tuổi gọi là ông già, (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) hỏi mua 1.200.000 đồng tiền ma túy, người đàn ông này cầm tiền của V, rồi đưa cho một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch). Người thanh niên cầm tiền đi, khoảng 20 phút thì quay lại đưa cho V một bịch có 02 cục chất bột màu trắng, dạng rắn, V cầm bịch ma túy đi ra gặp T, rồi cả hai đi đồ về lại tiệm điện thoại “Thảo Khánh”. Trên đường về, V đưa cho T số ma túy vừa mua được để T cất giấu, khi T và V về đến nơi thì bị Lực lượng công an phường P phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Thấy T và bị bắt, A chạy về nhà ở xã T, còn M đi đâu không rõ. Đến ngày 03/8/2017, Phạm Thành A bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L bắt giữ.

Tại bản kết luận giám định số 478/GĐ-PC54 ngày 17/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận, kết luận: “Mẫu M gửi giám định có khối lượng **0,5978 gam**; là **Heroin**”.

Xét thấy, bị cáo Phạm Thành A đã có hành vi đưa số tiền 1.200.000 đồng cho các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Thanh V, để các bị cáo T và V đi mua hộ chất ma túy, mục đích là về cùng sử dụng. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Điểm c Tiểu mục 3.7 Mục 3 Phần 2 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT ngày 24/12/2007 của BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, về việc: Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999, quy định: *“Người nào biết người khác đi mua chất ma túy để sử dụng trái phép mà gửi tiền nhờ mua hộ chất ma túy để sử dụng thì người nhờ mua hộ phải chịu trách nhiệm hình sự về số lượng chất ma túy đã nhờ mua hộ. Người đi mua phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số lượng chất ma túy đã mua cho bản thân và mua hộ”*. Với số ma túy mà các bị cáo T và V mua hộ cho bị cáo A có khối lượng **0,5978 gam**; là **Heroin**, nên hành vi trên của các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và Phạm Thành A đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và Phạm Thành A về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và Phạm Thành A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và là đối tượng nghiện, nên các bị cáo hoàn toàn nhận thức được ma túy là loại biệt dược độc hại nó đã, đang và sẽ hủy hoại cả về thể chất lẫn tinh thần của những người sử dụng; Do đó, Nhà nước ta đã nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, mua bán, tàng trữ, sử dụng ... trái phép chất ma túy và quy định trừng phạt nghiêm đối với những ai cố tình vi phạm. Mặc dù các bị cáo

nhận thức rõ điều này, nhưng vì muốn có ma túy để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, bất hậu quả do ma túy mang lại, nên kẻ đưa tiền, người đi tìm mua ma túy về để cùng nhau sử dụng, thì bị phát hiện bắt giữ như đã nêu trên.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và Phạm Thành A là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách của nhà nước Việt Nam về đấu tranh phòng ngừa và loại bỏ ma túy ra khỏi cuộc sống xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Xét thấy, với tình hình tội phạm về ma túy đang ngày một gia tăng, mà địa bàn thị xã L là một trong những địa phương có tình hình tội phạm về ma túy diễn biến hết sức phức tạp, dư luận xã hội bất bình lên án. Do đó, để đảm bảo yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương, cũng như lập lại trật tự công cộng, cần thiết phải xử lý nghiêm khắc, nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Xét thấy, ngày 27/11/2015, Quốc Hội khóa XIII thông qua Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật hình sự. Ngày 29/6/2016 Quốc Hội khóa XIII ban hành Nghị quyết số 144/2016/QH13 về việc lùi hiệu lực của Bộ luật hình sự năm 2015 và bổ sung dự án luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016. Ngày 13/9/2016, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Công văn 276/2016/TANDTC hướng dẫn những quy định có lợi cho người phạm tội. Đồng thời, ngày 20/6/2017, Quốc Hội ban hành Nghị quyết số 41/2017/QH14 hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Theo đó, tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *"Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy ... thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm"* là quy định có lợi hơn so với Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009). Xét, do chuyển biến tình hình, chính sách nhân đạo của Nhà nước và căn cứ Điểm h Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, cần thực hiện các quy định có lợi cho các bị cáo tại Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.

Tuy nhiên, trong khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và Phạm Thành A, Hội đồng xét xử có xem xét cho các bị cáo những tình tiết sau: Quá trình điều tra và tại Tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về việc làm sai trái của bản thân; Nhân thân tốt, chưa có tiền án - tiền sự; Hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn. Riêng đối với bị cáo T và A có con còn nhỏ, vợ không có việc làm ổn định, các bị cáo là lao động chính. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo T còn có cha ruột là ông Trần Quốc T tham gia Cách mạng, được Chủ tịch nước tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 27/11/2015 Quốc Hội khóa XIII thông qua Bộ luật hình sự năm 2015, trong đó tại Điểm x Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, quy định: *"Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ, người có công với cách mạng"*, đây là một trong những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015. Do các vấn đề trên, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, hướng dẫn thi hành Bộ luật

Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và tinh thần hướng dẫn tại Điểm x Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, để áp dụng đối với bị cáo T theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc VKSND thị xã L không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đối với bị cáo Tân là thiếu sót.

Đối với người đàn ông lớn tuổi (ông già), người thanh niên đã bán ma túy cho các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và đối tượng tên M là người rủ bị cáo V đi mua ma túy, do không xác định được, tên, tuổi, địa chỉ của các đối tượng này, nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã L không có căn cứ xử lý trong vụ án này, khi nào điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) miếng băng keo vàng, 01 (một) gói nylon đã cắt lấy mẫu và 0,3262 gam mẫu M còn lại sau khi giám định được niêm phong trong phong bì số 478 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận, là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Lenovo, màu trắng thu giữ của bị cáo Trần Văn T. Xét, đây là tài sản riêng của bị cáo T, không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho bị cáo T.

Về án phí: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và Phạm Thành A, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và Phạm Thành A, đều phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 249; Điểm x Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

* **Xử phạt:** Bị cáo Trần Văn T **02 (Hai)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **14/7/2017**.

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7 và Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

* **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Thanh V **02 (Hai)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **14/7/2017**.

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7 và Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

* **Xử phạt:** Bị cáo Phạm Thành A **02 (Hai)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **03/8/2017**.

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) miếng băng keo vàng, 01 (một) gói nylon đã cắt lấy mẫu và 0,3262 gam mẫu M còn lại sau khi giám định được niêm phong trong phong bì số 478 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Lenovo, màu trắng.

Hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng cùng ngày 06/10/2017 giữa Cơ quan CSĐT công an thị xã L và Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

*** Áp dụng:** Điều 98; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh V và Phạm Thành A, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- Phòng PC81- CA tỉnh Bình Thuận
- VKSND thị xã L
- THADS thị xã L
- Công an thị xã L
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi BC cư trú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Từ Quốc Thái Bình

